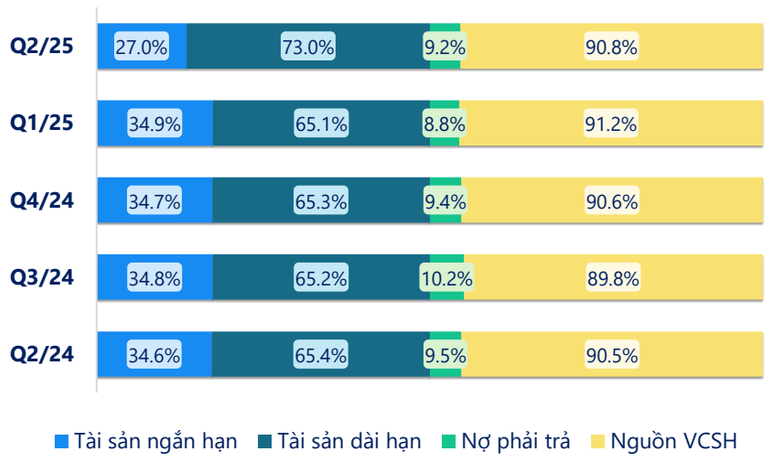
FireAnt

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	655
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
P/E	-5.8
EPS	-880

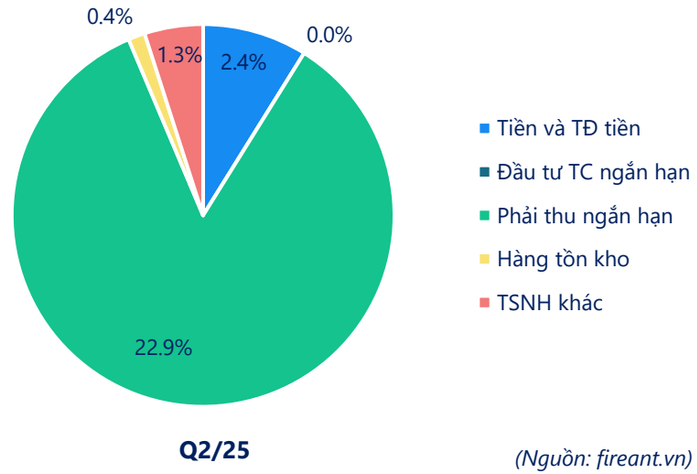
	YTD	1T	3T	6T
MGR	50.0%	2.0%	13.3%	41.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



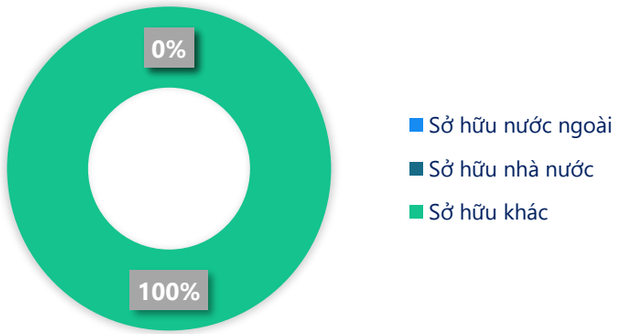
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



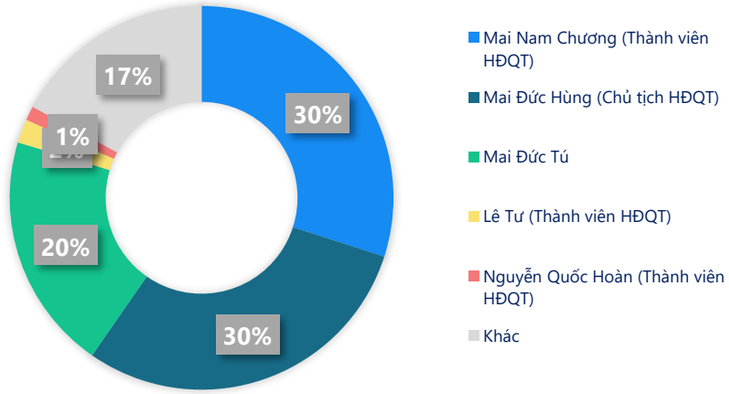
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



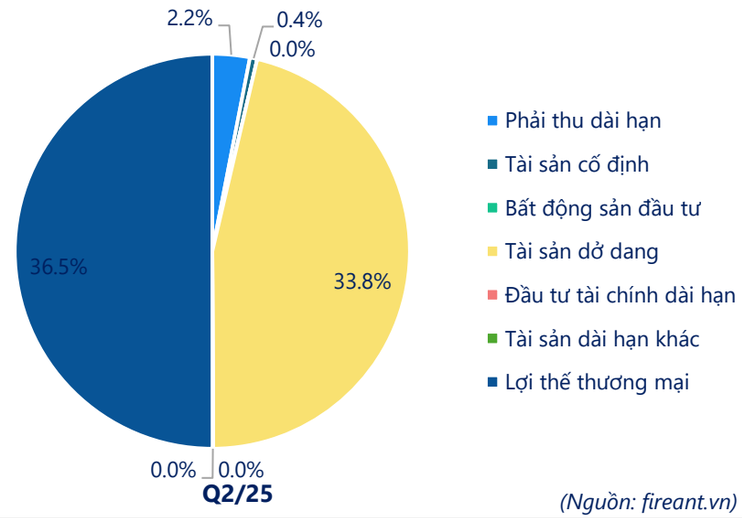
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

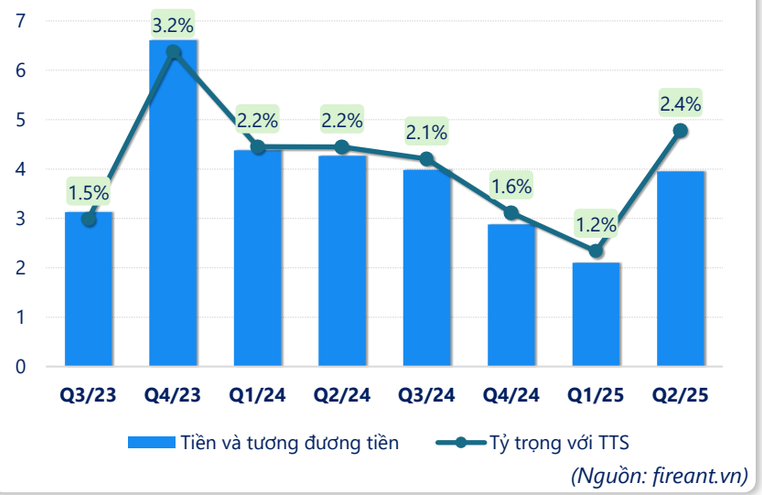


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

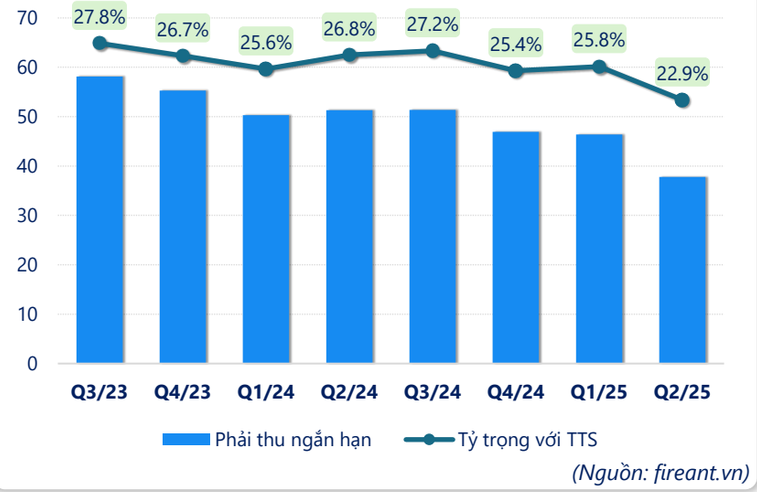
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Tiền và tương đương tiền



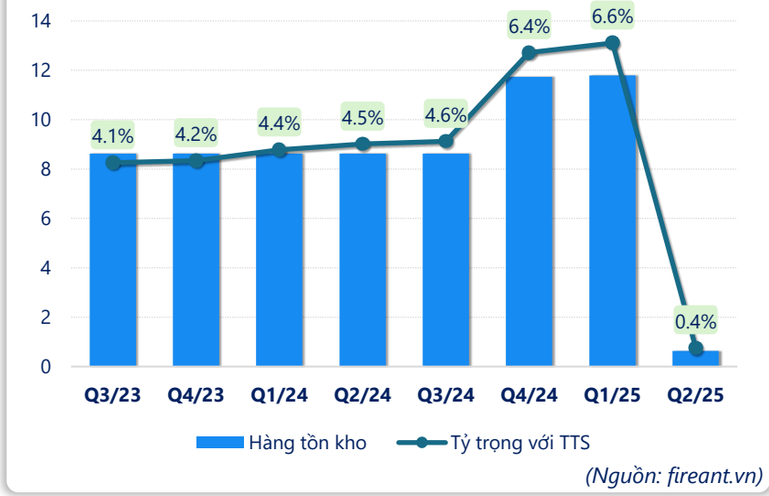
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



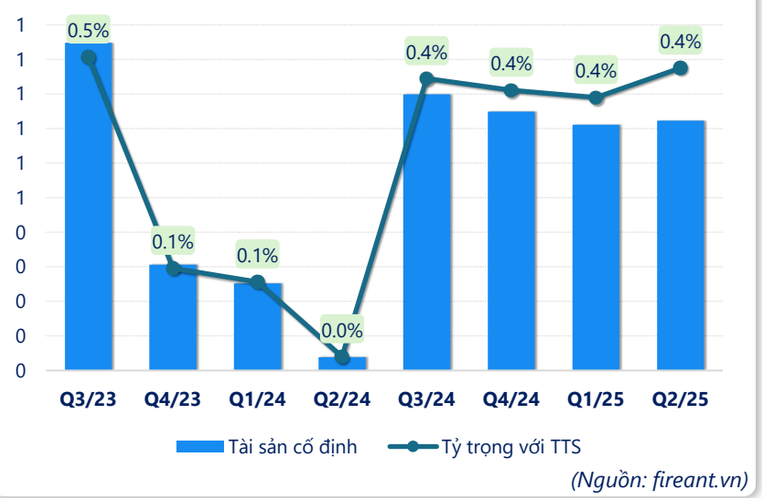
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



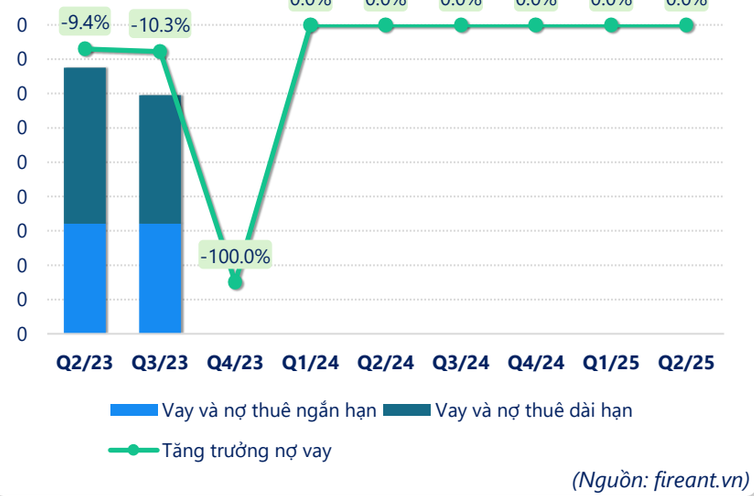
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



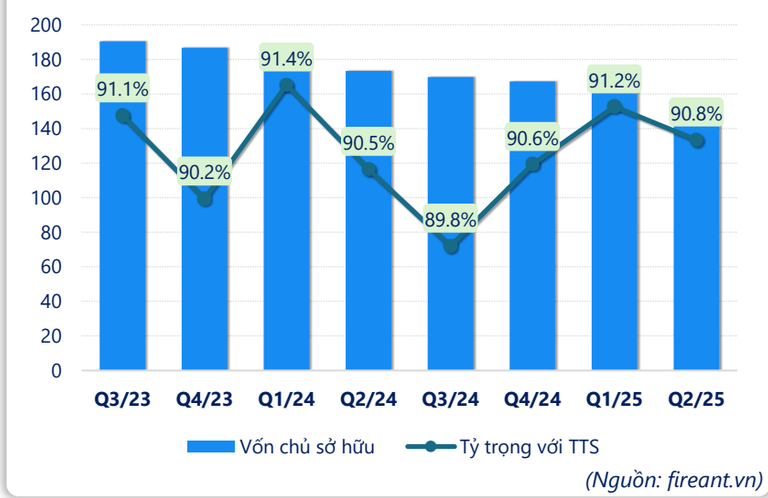
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

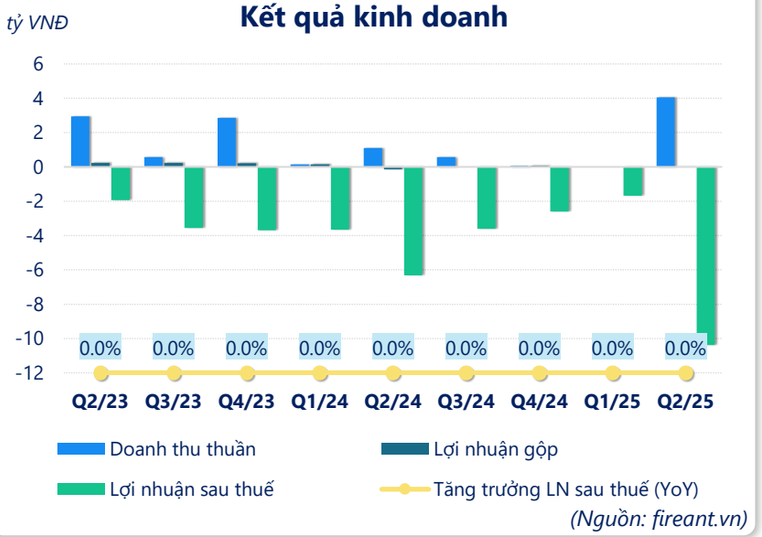
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

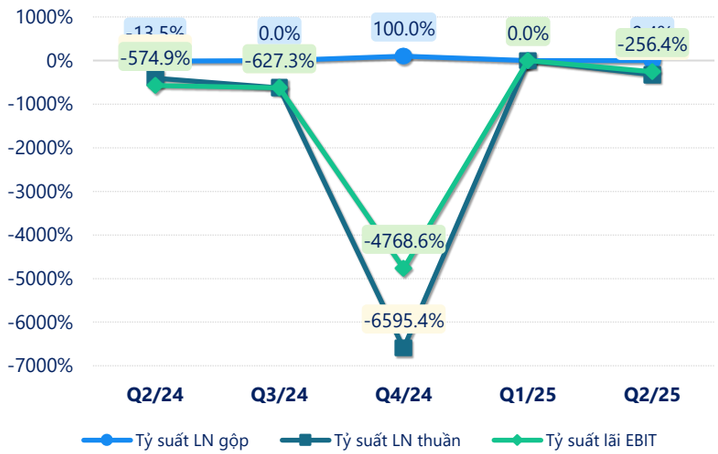
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Kết quả kinh doanh



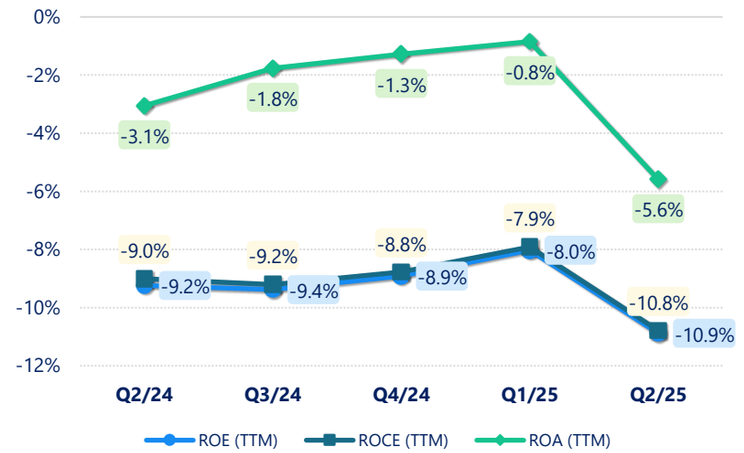
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



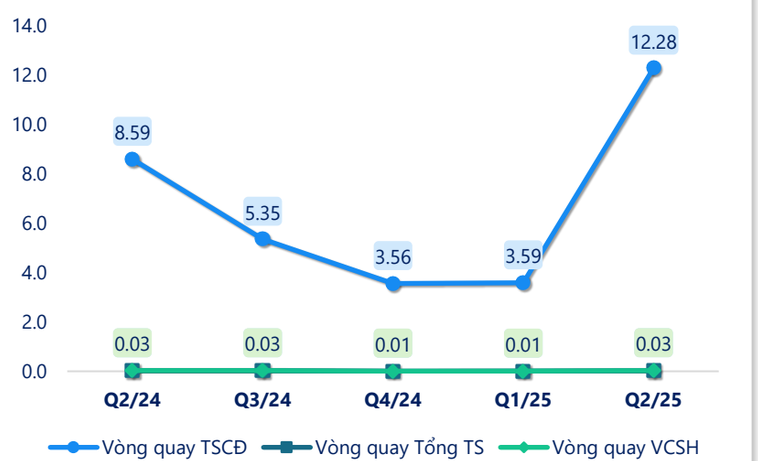
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



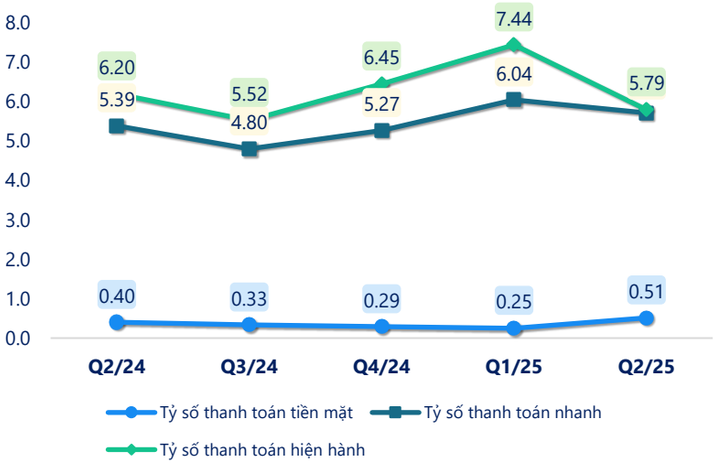
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



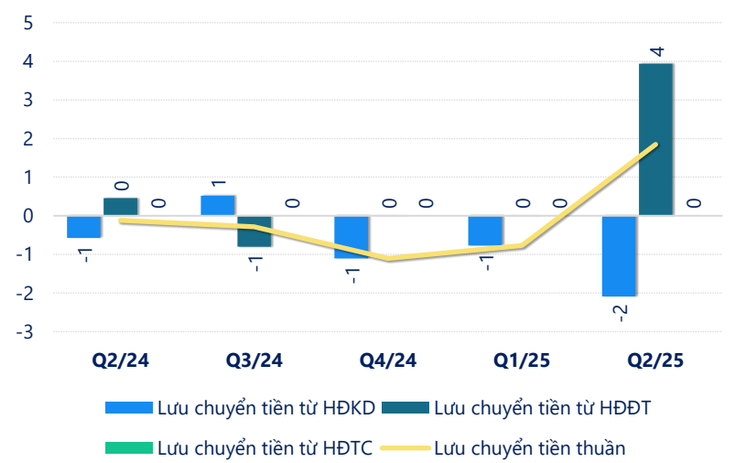
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**165**	**184**	**-10.1%**
Tài sản ngắn hạn	44.6	63.8	-30.1%
Tiền và tương đương tiền	3.95	2.88	37.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	37.8	46.6	-18.8%
Hàng tồn kho	0.63	11.8	-94.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.21	2.50	-11.8%
Tài sản dài hạn	**121**	**120**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	3.69	3.65	1.1%
Tài sản cố định	0.72	0.75	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.8	49.6	12.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0**	
Lợi thế thương mại	60.3	66.0	-8.6%
Nợ phải trả	15.1	18.0	-15.7%
Nợ ngắn hạn	**7.70**	**10.5**	**-26.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.76	3.71	-52.4%
Nợ dài hạn	7.44	7.44	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**150**	**166**	**-9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**150**	**166**	**-9.5%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1.10	0.57	0.05	0	4.05
Giá vốn hàng bán	1.25	0.57	0	0	4.03
Lợi nhuận gộp	-0.15	0	0.05	0	0.02
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	9.23
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.29
Chi phí QLDN	4.27	3.60	3.65	3.55	3.60
LN thuần từ HĐKD	-4.42	-3.60	-3.60	-3.55	-13.1
Lợi nhuận khác	-1.90	0	1.00	1.87	2.72
LN trước thuế	-6.32	-3.60	-2.60	-1.68	-10.4
Lợi nhuận sau thuế	-6.32	-3.60	-2.60	-1.68	-10.4
LNST của CĐ cty mẹ	-6.18	-3.51	-2.51	-1.60	-9.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.57	0.52	-1.11	-0.77	-2.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.46	-0.80	0.00	0.00	3.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.38	4.26	3.98	2.88	2.10
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.12**	**-0.28**	**-1.10**	**-0.77**	**1.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.26	3.98	2.88	2.10	3.95

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic